

Mẫu số 04-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP
ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số:...../TB-TA **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO
NỘP TIỀN TẠM ỨNG CHI PHÍ TỔ TỤNG

Kính gửi:⁽²⁾

Địa chỉ ⁽³⁾

Số điện thoại:; số fax:(nếu có).

Địa chỉ thư điện tử: (nếu có).

Xét thấy⁽⁴⁾ phải nộp tiền tạm ứng chi phí.....⁽⁵⁾ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ⁽⁶⁾ của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tòa án nhân dân.....thông báo cho:⁽⁷⁾biết.

Trong thời hạn⁽⁸⁾ ngày, kể từ ngày nhận được thông báo này, phải đến trụ sở Tòa án

....., địa
chỉ:.....để nộp số tiền tạm ứng chi phí⁽⁹⁾ là:
.....(bằng chữ:).

Hết thời hạn nêu trên, nếu⁽¹⁰⁾ không nộp cho Tòa án tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà không
có lý do chính đáng, thì Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều
217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 04-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) và (3) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của người phải nộp tạm ứng chi phí tố tụng; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức phải nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Kính gửi: Anh Trần Văn B).

(4) Tùy từng trường hợp mà ghi tên và tư cách đương sự của người phải nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng: Ví dụ nếu nguyên đơn phải nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng thì ghi “Ông Nguyễn Văn A là nguyên đơn”.

(5) và (9) Tùy từng trường hợp mà ghi loại chi phí tố tụng phải nộp tạm ứng, ví dụ: chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài thì ghi “ủy thác tư pháp ra nước ngoài”.

(6) Tùy từng trường hợp mà ghi điều khoản của Bộ luật tố tụng dân sự mà Tòa án căn cứ để thông báo nộp tạm ứng chi phí tố tụng, ví dụ: chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài trong việc dân sự thì ghi “khoản 2 Điều 152”.

(7) và (10) Nếu là cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị như hướng dẫn tại điểm (2) mà không phải ghi họ tên (ví dụ: cho Ông, cho Bà biết); nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó như hướng dẫn tại điểm (2).

(8) Tùy từng trường hợp, căn cứ quy định của pháp luật mà Tòa án ghi thời hạn đương sự phải nộp chi phí tố tụng. Ví dụ theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng thì: “Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, người yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng phải nộp tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng.” Trường hợp này Tòa án ghi “05 ngày làm việc”.

Đối với trường hợp mà pháp luật không quy định thì thời hạn đương sự phải nộp chi phí tố tụng là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày.